

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

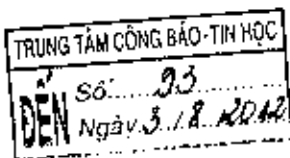
Số: 35/2012/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 7 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 3**



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;  
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;  
Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP; Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC;  
Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 29/6/2012 về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của các ban HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước**

a. Chủ tịch UBND tỉnh:

- Quyết định mua sắm đối với:
  - + Đất khuôn viên trụ sở làm việc, trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.
  - + Các tài sản là phương tiện vận tải: Xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng (thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định); Mô tô, tàu thuyền và ca nô.
  - + Các tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng/gói tài sản trở lên từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao.

- Chấp thuận về chủ trương mua sắm đối với các tài sản có giá trị trên 500 triệu đồng/gói tài sản cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức (bao gồm các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh, ngân sách huyện) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán và các nguồn khác của các cơ quan, đơn vị (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính).

b. Giám đốc Sở Tài chính:

- Quyết định mua sắm đối với:

+ Các tài sản khác có giá trị dưới 50 triệu đồng/gói tài sản từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao;

+ Các tài sản từ nguồn dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp ngành (chưa phân bổ).

- Đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định việc mua sắm đối với các tài sản có giá trị trên 500 triệu đồng/gói tài sản cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức (bao gồm các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh, ngân sách huyện) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán và các nguồn khác của các cơ quan, đơn vị.

c. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị trên 50 triệu đồng/gói tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị.

d. Chủ tịch UBND cấp huyện:

Quyết định mua sắm đối với:

- Các tài sản cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách cấp huyện, bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao.

- Các tài sản có giá trị trên 50 triệu đồng/gói tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị.

e. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán (cấp tỉnh, cấp huyện), chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

Trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được giao, quyết định mua sắm các tài sản có giá trị dưới 50 triệu đồng/gói tài sản từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị.

## **2. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc**

a. Chủ tịch UBND tỉnh:

Quyết định việc cho phép thuê trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 200 triệu đồng/năm trở lên, sử dụng ngân sách cấp tỉnh (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

b. Giám đốc Sở Tài chính:

- Quyết định việc cho phép thuê trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 200 triệu

đồng/năm, sử dụng ngân sách cấp tỉnh (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

- Có văn bản chấp thuận đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 50 triệu đồng/năm trở lên, sử dụng nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị cấp tỉnh.

c. Chủ tịch UBND cấp huyện:

- Quyết định việc cho phép thuê trụ sở làm việc đối của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các trường hợp thuê trụ sở làm việc sử dụng ngân sách cấp huyện (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

- Có văn bản chấp thuận đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 50 triệu đồng/năm trở lên, sử dụng nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị cấp huyện.

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán (cấp tỉnh, cấp huyện), chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

Quyết định việc cho phép thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng/năm, sử dụng nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị.

### **3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc**

a. Chủ tịch UBND tỉnh:

Quyết định việc thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng/năm trở lên, sử dụng ngân sách cấp tỉnh (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

b. Giám đốc Sở Tài chính:

- Quyết định việc thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng/năm, sử dụng ngân sách cấp tỉnh (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

- Có văn bản chấp thuận đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 30 triệu đồng/năm trở lên, sử dụng nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị cấp tỉnh.

c. Chủ tịch UBND cấp huyện:

- Quyết định việc thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện đối với các trường hợp đi thuê tài sản sử dụng ngân sách cấp huyện (bổ sung cho các đơn vị ngoài phạm vi dự toán được giao).

- Có văn bản chấp thuận đối với giá thuê (tính cho một hợp đồng) từ 30 triệu đồng/năm trở lên, từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị cấp huyện.

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán (cấp tỉnh, cấp huyện), chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

Quyết định việc thuê tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, đối với giá thuê tài sản (tính cho một hợp đồng) dưới 30 triệu đồng/năm, từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán của các đơn vị.

#### **4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước**

##### **a. Chủ tịch UBND tỉnh:**

- Quyết định thu hồi: Tài sản nhà nước của các đơn vị cấp tỉnh; phương tiện giao thông vận tải và các tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị cấp huyện, cấp xã theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan.

- Trong trường hợp phát hiện tài sản nhà nước của cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý đặt tại địa phương bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ do Nhà nước quy định, cho thuê hoặc thực hiện các hoạt động kinh doanh khác, Chủ tịch UBND tỉnh kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định thu hồi theo thẩm quyền quy định.

##### **b. Chủ tịch UBND cấp huyện:**

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các đơn vị cấp huyện, cấp xã (trừ các tài sản đã quy định tại khoản 1 Điều này) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan.

#### **5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước**

**a. Chủ tịch UBND tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan):**

- Quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); phương tiện vận tải và các tài sản nhà nước thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng (tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong toàn tỉnh;

- Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các huyện, thành phố, thị xã.

##### **b. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:**

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này).

##### **c. Chủ tịch UBND cấp huyện:**

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị cấp huyện, giữa các xã, phường, thị trấn (trừ các tài sản đã quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), căn cứ theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan.

#### **6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước**

##### **a. Chủ tịch UBND tỉnh:**

Quyết định bán tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); phương tiện vận tải và các tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng (tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên) và các tài sản có quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan).

b. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định bán tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm các tài sản khác có nguyên giá từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này).

c. Chủ tịch UBND cấp huyện:

Quyết định bán tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã là các tài sản có nguyên giá từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này và những tài sản do ngân sách tỉnh đầu tư mua sắm hoặc cấp bằng hiện vật ngoài dự toán ngân sách được giao hàng năm).

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán (cấp tỉnh, cấp huyện), chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

Quyết định bán tài sản nhà nước của cơ quan mình quản lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều này).

**7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước**

a. Chủ tịch UBND tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính), gồm:

- Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá từ 2.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

- Phương tiện giao thông, vận tải có nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

b. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị (theo đề nghị của Giám đốc các sở, ban, ngành và chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã), gồm:

- Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 2.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

- Phương tiện giao thông, vận tải có nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

c. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc gồm các tài sản có nguyên giá từ 50 triệu đồng/01 đơn vị đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2, Điều này).

d. Chủ tịch UBND cấp huyện:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã theo đề nghị của Phòng Kế hoạch-Tài chính đối với các tài sản có

nguyên giá từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2 Điều này).

e. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán (cấp tỉnh, cấp huyện), chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan mình quản lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này).

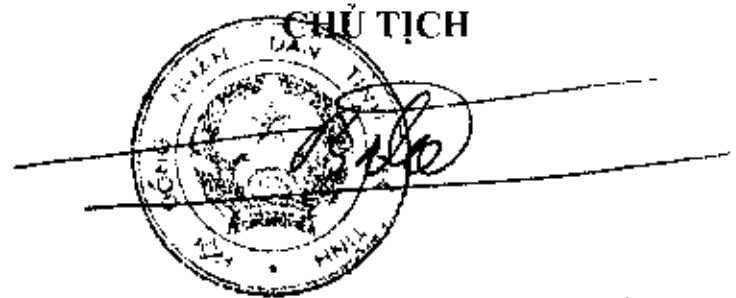
**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình thực hiện, khi cần có sự thay đổi về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Thường trực HDND tỉnh, các ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Tĩnh khóa XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Bộ Tư lệnh QK4;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh;
- TT Thông tin - VP Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP. HH200b



**Nguyễn Thanh Bình**